

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày: 10-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Bà Lò Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Giàng Súa L, sinh năm: 1984, tại huyện S, tỉnh Lai Châu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Lớp xóa mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Giả P (đã chết) và bà: Hạng Thị M (đã chết); có vợ: Sùng Thị D, sinh năm: 1984 và 06 con, con lớn sinh năm: 2003, con nhỏ sinh năm: 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ hình sự từ ngày 25/9/2018, tạm giam từ ngày 28/9/2018, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Đình K, Luật sư, Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông cho bị cáo: Bà Ly Thị C; trú tại: Tổ 6, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Sùng Thị D, sinh năm: 1984; trú tại: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2018, Giàng Súa L quen một người đàn ông tên là D người dân tộc Mông, nhà ở huyện M. Ngày 24/9/2018, D gọi điện cho L đặt vấn đề muốn mua thuốc phiện. Sau đó, có nhà ở bản C, xã L, huyện M là người quen của L, gọi điện nhờ L bán hộ 02 cục thuốc phiện có khối lượng 1.737,58 gam, với giá 35.000.000 VNĐ/kg. L trao đổi lại với D, D nhất trí. Sáng ngày 25/9/2018, Giàng Súa L và D đến chỗ V hẹn tại khu vực đường đi bản P, xã C gặp V. Khi L đến đó, V đi xe máy đến sau và đưa cho L túi nilon màu đen có 02 cục thuốc phiện và một chiếc cân lò xo, V dặn bán thuốc phiện xong cầm tiền về cho V, hứa sẽ trả công cho L từ 5.000.000 VNĐ đến 6.000.000 VNĐ. L cầm túi thuốc phiện treo vào móc xe máy phía trước của L và đi ra chỗ D cùng một người đàn ông L không biết tên đang chờ cách đó khoảng 100m. Trong lúc đang trao đổi mua bán ma túy thì Giàng Súa L bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng, còn 02 đối tượng mua thuốc phiện lợi dụng sơ hở đã chạy trốn.

Tại bản Kết luận giám định số: 829/GĐ-PC09, ngày 04/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

“- 03 (ba) mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của Giàng Súa L gửi giám định là ma túy: Loại thuốc phiện.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Giàng Súa L là 1.737,58 gam.

- Thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 398, Mục IID, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.”

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS-P1 ngày 19/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Giàng Súa L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên nội dung trong quyết định truy tố bị cáo Giàng Súa L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251/BLS năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51/BLS, xử phạt bị cáo 16 (mười sáu) đến 17 (mười bảy) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 251/BLS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với

bị báo vì bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS năm 2015, Điều 106/BLTTHS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ thuốc phiện còn lại có khối lượng là: 1.666,22 gam (đã trích mẫu gửi giám định) do đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, 01 chiếc túi nilon màu đen, 01 chiếc cân kim loại; tịch thu sung quỹ Nhà nước: $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, biển kiểm soát: 25B1 - 442.ab, 01 giấy đăng kí mô tô, xe máy số: 033594 mang tên Giàng Súa L, 01 chiếc điện thoại di động, bàn phím nhãn hiệu BAVAPEN (B42); trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị D: $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, hiệu HONDA (WAVE RSX) màu sơn đen - xanh, biển kiểm soát: 25B1 - 442.ab. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136/BLTTHS, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo phải chịu 200.000 VNĐ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng Súa L không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đã phân tích tính chất hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đề nghị với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên, không bổ sung thêm lời bào chữa của người bào chữa. Lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin lại chiếc xe máy đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị D đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Giàng Súa L và đề nghị HĐXX cho gia đình xin lại chiếc xe máy đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra tiến hành thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Từ những lời khai nhận về hành vi mua bán trái phép các chất ma túy của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ xác định: Sáng ngày 25/9/2018, Giàng Súa L đã có hành vi nhận 02 cục thuốc phiện có khối lượng 1.737,58 gam và một chiếc cân lò xo từ V, rồi đem đi bán cho người tên D và một người đàn ông bị cáo không biết tên; trong lúc đang trao đổi mua bán ma túy thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang Giàng Súa L, thu giữ toàn bộ 1.737,58 gam thuốc phiện, cùng đồ vật, tài sản khác của bị cáo. HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251/BLHS.

[3] Về tính chất của vụ án:

Tình hình tội phạm ma túy ngày càng diễn biến phức tạp, mặc dù cơ quan pháp luật đã truy quét và xử lý rất nghiêm minh đối với các loại tội phạm này. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bị cáo biết việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy tới đời sống sức khỏe của con người, nhưng vì gia đình khó khăn mà bị cáo đã có hành vi giao dịch, mua bán trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện M, tỉnh Điện Biên. Hành vi của bị cáo bị coi là phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm vào tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251/BLHS, do đó, bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và kết luận phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251/BLHS là chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật, không bị oan, sai. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, để cải tạo giáo dục bị cáo trong tình hình hiện nay là cần thiết.

Trong hồ sơ thể hiện đối tượng tên là D, dân tộc Mông và người đàn ông đi cùng D, theo lời khai của bị cáo, là người mua thuốc phiện. Do bị cáo không biết rõ tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý. HĐXX không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên V, đã thuê và đưa cho bị cáo 02 cục thuốc phiện và 01 chiếc cân lò xo để mang đi bán. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, cho bị cáo nhận dạng nhưng bị cáo không nhận ra, Cơ quan điều

tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ, HĐXX không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo còn tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, không được học văn hóa nên nhận thức còn hạn chế. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là cần thiết, thông qua đó thể hiện chính sách khoan hồng, giảm nhẹ của pháp luật đối với người phạm tội, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, thấy rằng: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, thể hiện tại giấy chứng nhận hộ cận nghèo số: 86, ngày 01/01/2018 của UBND xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu, HĐXX thấy rằng, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt tiền, bởi vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS:

- Số thuộc phiên Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo cần bị tịch thu tiêu hủy do đây là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- 01 giấy đăng kí mô tô, xe máy số: 033594 mang tên Giàng Súa L, đăng ký xe biển kiểm soát: 25B1 - 442.ab do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc túi nilon màu đen do bị cáo đã sử dụng để đựng ma túy và 01 chiếc cân kim loại màu trắng (lò xo) hình trụ, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động, bàn phím nhãn hiệu BAVAPEN (B42); vỏ màu xanh đen, đã cũ, tạm giữ của Giàng Súa L do đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc xe máy, hiệu HONDA (WAVE RSX) màu sơn đen - xanh, biển kiểm soát: 25B1 - 442.ab, số khung: RLHJA3805GY1051ab, số máy: JA38E - 02226ab tạm giữ của Giàng Súa L. Mặc dù, bị cáo đã sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, đăng ký xe mô tô mang tên Giàng Súa L, nhưng qua quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa xét thấy, đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Giàng Súa L, căn cứ Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX cần tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, trả lại cho vợ của bị cáo là bà Sùng Thị D $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy đã bị thu giữ.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136/BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thấy rằng bị cáo Giàng Súa L là người dân tộc thiểu số thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng Súa L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Giàng Súa L 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2018.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

** Tịch thu, tiêu hủy:*

- Toàn bộ thuốc phiện còn lại có khối lượng là: 1.666,22 gam (đã trích mẫu gửi giám định).

- 01 giấy đăng kí mô tô, xe máy số: 033594 mang tên Giàng Súa L, đăng ký xe biển kiểm soát: 25B1 - 442.01.

- 01 chiếc túi nilon màu đen.

- 01 chiếc cân kim loại màu trắng (lò xo) hình trụ.

** Tịch thu sung quỹ Nhà nước:*

- ½ giá trị chiếc xe máy, hiệu HONDA (WAVE RSX) màu sơn đen - xanh, biển kiểm soát: 25B1 - 442.ab, số khung: RLHJA3805GY1051ab, số máy: JA38E - 02226ab. Tình trạng xe máy đã cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Súa L.

- 01 chiếc điện thoại di động, bàn phím nhàn hiệu BAVAPEN (B42); vỏ màu xanh đen, đã cũ, tạm giữ của Giàng Súa L.

** Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị D:*

- ½ giá trị chiếc xe máy, hiệu HONDA (WAVE RSX) màu sơn đen - xanh, biển kiểm soát: 25B1 - 442.ab, số khung: RLHJA3805GY1051ab, số máy: JA38E - 02226ab. Tình trạng xe máy đã cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Súa L.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 19/12/2018).

4. Ân phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Súa L.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Căn cứ các Điều 331, Điều 333/BLTTHS năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- NQLNVLQ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (Th/báo);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Văn Nam